## Practice 1

1. **Do you know ... :** ____ ____ ____
   *biết/ có/ Bạn*

2. **Do you know these people?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ này?/ những người*

3. **Do you know these pupils?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ này?/ những học sinh*

4. **Do you know those students?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ đó?/ những sinh viên*

5. **Do you know this boy?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ này?/ cậu bé*

6. **Do you know that woman?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ đó?/ người phụ nữ*

7. **Do you know how to make tea?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ như thế nào không?/ pha trà*

8. **Do you know how to cook rice?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ như thế nào không?/ nấu cơm*

9. **Do you know how to do this exercise?** ____
   *biết/ có/ Bạn/ như thế nào không?/ làm bài tập này*

LIVEWORKSHEETS

## Practice 2

1. Bạn có biết ..
2. Bạn có biết những người đó không?
3. Bạn có biết cô bé đó không?
4. Bạn có biết những người đàn ông này không?
5. Bạn có biết nấu cơm như thế nào không?
6. Bạn có biết pha trà như thế nào không?
7. Bạn có biết làm bài tập này như thế nào không?

## Practice 3. Re-oder the sentences to make a dialogue.

Girl : .....

Boy : .....

Girl : .....

Boy : .....

Yes.

His name is Jim.

Do you know the boy who's sitting on the floor?

The boy with the orange shorts?

LIVEWORKSHEETS